

Số: 736/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 197/QĐ-ĐHNT ngày 28/02/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang v/v ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập các lớp thuộc Viện Công nghệ sinh học và Môi trường đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 176 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 37 sinh viên; vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	Cộng
1	Công nghệ kỹ thuật môi trường	01	93	94
2	Công nghệ sinh học	02	80	82

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K55 2013-2016	K56 2014-2017	Cộng
1	Công nghệ kỹ thuật môi trường	04	12	16
2	Công nghệ sinh học	04	17	21

Điều 2. Trưởng phòng liên quan, Viện Công nghệ sinh học và Môi trường, và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *HS*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Pi Trung



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2017

Theo Quyết định số 736 /QĐ-ĐHNT ngày 17 / 8 /2017

Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

1. Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54130236	Đoàn Phú Dũng	03/03/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54.CNMT
2	55130188	Trần Thị Ánh Diệp	27/07/1995	Quảng Trị	Nữ	Khá	55.CNMT-1
3	55130217	Trần Thị Thanh Dung	25/10/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	55.CNMT-1
4	55130374	Alê Ha	25/11/1994	Gia Lai	Nam	Trung bình	55.CNMT-1
5	55130397	Nguyễn Thị Thu Hà	03/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
6	55130408	Trần Thị Thu Hà	17/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
7	55130413	Trần Thị Thu Hạ	28/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
8	55130504	Hồ Thị Thu Hiền	13/05/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55.CNMT-1
9	55130604	Nguyễn Thị Hòa	17/01/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
10	55130654	Đặng Thị Hồng	29/07/1994	Quảng Ninh	Nữ	Khá	55.CNMT-1
11	55130655	Đặng Thị Thu Hồng	20/11/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55.CNMT-1
12	55130688	Mạnh Thị Thanh Huệ	28/11/1995	Phú Yên	Nữ	Giỏi	55.CNMT-1
13	54130566	Nguyễn Quốc Huy	08/06/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNMT-1
14	55130731	Lưu Thị Mỹ Huyền	11/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
15	55130797	Phạm Nguyễn Diệu Khanh	18/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
16	55130829	Trần Nguyễn Yến Kiều	18/07/1995	Phú Yên	Nữ	Giỏi	55.CNMT-1
17	55133018	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	02/02/1995	Quảng Nam	Nữ	Khá	55.CNMT-1
18	55130875	Nguyễn Thành Liêm	07/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNMT-1
19	55130881	Nguyễn Thị Liên	17/09/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
20	55133515	Nguyễn Khánh Linh	28/03/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
21	55134006	Hoàng Thị Thu Loan	05/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
22	55130964	Nguyễn Thị Thu Lựa	30/01/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNMT-1
23	55130972	Nguyễn Thị Song Luận	24/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNMT-1
24	55133036	Hồ Thị Ly	17/08/1995	Quảng Nam	Nữ	Khá	55.CNMT-1
25	55130992	Trần Thị Khánh Ly	14/06/1995	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	55.CNMT-1
26	55131001	Nguyễn Thị Như Mai	18/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
27	55131074	Dương Thị Nga	27/11/1995	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	55.CNMT-1
28	55131115	Trần Thị Thùy Ngân	12/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
29	55131144	Nguyễn Đoàn Bích Ngọc	18/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
30	55131152	Phạm Mỹ Ngọc	16/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
31	55131164	Lê Thị Hoàng Nguyên	21/05/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNMT-1
32	55131188	Tổng Thị Thu Nhài	02/10/1995	Nam Định	Nữ	Khá	55.CNMT-1
33	55132849	Lê Thị Yến Nhi	09/12/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNMT-1
34	55131226	Lộ Thị Nhi	24/08/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	55.CNMT-1
35	55131235	Nguyễn Thị Yến Nhi	20/11/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNMT-1
36	55131242	Trần Thị Yến Nhi	15/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
37	55131257	Lê Thị Cẩm Nhung	19/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
38	55131308	Võ Ngọc Oanh	02/01/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
39	55131309	Võ Thị Oanh	02/10/1995	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	55.CNMT-1
40	55133560	Bùi Quang Phúc	07/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNMT-1
41	55238238	Nguyễn Thị Minh Phụng	26/05/1995	Khánh Hòa	Nữ	Khá	55.CNMT-1
42	55131469	Nguyễn Thị Úc Quyên	25/06/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNMT-1
43	55131512	Trần Kỳ Sang	30/06/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNMT-1
44	55131661	Nguyễn Công Thành	22/05/1995	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	55.CNMT-1



1. Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
45	55132028	Nguyễn Thị Hiền	Trang	10/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-1
46	55130048	Lê Thị Mỹ	Ái	02/11/1995	Đà Nẵng	Nữ	Khá	55.CNMT-2
47	55130171	Lê Thành	Danh	14/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNMT-2
48	55130301	Nguyễn Thị Hồng	Đào	24/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-2
49	55130297	Đỗ Thị Kim	Đào	10/08/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	55.CNMT-2
50	55130323	Nguyễn Thị	Định	02/04/1994	Nghệ An	Nữ	Khá	55.CNMT-2
51	55131348	Hồ Hoàng	Phúc	08/12/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNMT-2
52	55131409	Mai Thị Mỹ	Phượng	28/02/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNMT-2
53	55131411	Phan Thị Thanh	Phượng	07/11/1995	Quảng Nam	Nữ	Khá	55.CNMT-2
54	55131448	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	09/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-2
55	55131494	Phạm Thị Như	Quỳnh	09/12/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-2
56	55131503	Hà Thanh	Sang	20/01/1995	Bình Định	Nam	Khá	55.CNMT-2
57	55131524	Phan Thế	Sinh	09/05/1994	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.CNMT-2
58	55131552	Phạm Thị Kim	Sương	11/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-2
59	55131566	Nguyễn Xuân	Tài	02/08/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNMT-2
60	55131579	Hoàng Thị Mỹ	Tâm	22/12/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-2
61	55132665	Phan Thị Bích	Tây	10/06/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55.CNMT-2
62	55131736	Nguyễn Thị	Thắm	28/02/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-2
63	55131740	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	27/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-2
64	55131628	Bạch Thị Hồng	Thanh	15/01/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNMT-2
65	55131640	Nguyễn Thị Lệ	Thanh	08/09/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-2
66	55131677	Bùi Thị Phương	Thảo	28/01/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNMT-2
67	55131721	Trần Thị Kim	Thảo	14/08/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNMT-2
68	55131759	Lê Thị Kim	Thị	04/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-2
69	55131784	Đỗ Văn	Thiệu	17/11/1995	Bắc Ninh	Nam	Khá	55.CNMT-2
70	55131789	Lê Quang	Thịnh	08/05/1995	Lâm Đồng	Nam	Khá	55.CNMT-2
71	55131811	Nguyễn Thị Kim	Thoa	09/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNMT-2
72	55131812	Phan Thị	Thoa	05/08/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNMT-2
73	55131842	Huỳnh Thị Kim	Thu	26/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-2
74	55131918	Phạm Phương Anh	Thư	15/04/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNMT-2
75	55131920	Trần Thị Minh	Thư	11/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-2
76	55131928	Lê Thị Song	Thương	08/11/1995	Quảng Trị	Nữ	Khá	55.CNMT-2
77	55131900	Phạm Thị	Thúy	06/10/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	55.CNMT-2
78	55131901	Phạm Thị Kim	Thúy	28/03/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-2
79	55134327	Nguyễn Thu	Thủy	04/08/1995	Gia Lai	Nữ	Khá	55.CNMT-2
80	55133571	Phạm Thị Ngọc	Thủy	04/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-2
81	55131882	Nguyễn Thị Thu	Thủy	03/02/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNMT-2
82	55131950	Nguyễn Thị Bích	Tiền	12/02/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNMT-2
83	55132078	Võ Huỳnh Hoài	Trâm	21/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-2
84	55132029	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23/11/1995	Quảng Bình	Nữ	Khá	55.CNMT-2
85	55132031	Nguyễn Thị Huyền	Trang	07/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-2
86	55132050	Võ Thị Thu	Trang	22/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNMT-2
87	55132121	Lữ Thị Phạm	Trinh	24/09/1995	Quảng Nam	Nữ	Khá	55.CNMT-2
88	55132125	Nguyễn Thị	Trinh	09/12/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	55.CNMT-2
89	55132165	Phạm Thành	Trung	18/07/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNMT-2
90	55132261	Nguyễn Phúc	Uy	23/06/1995	Nghệ An	Nam	Trung bình	55.CNMT-2

Handwritten signature.



1. Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
91	55132268	Nguyễn Hoàng Phương Uyên	27/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNMT-2
92	55132347	Nguyễn Thanh Vinh	29/04/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNMT-2
93	55132344	Nguyễn Phúc Vinh	18/05/1995	Nghệ An	Nam	Trung bình	55.CNMT-2
94	55132413	Nguyễn Thị Ngọc Yến	01/05/1993	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNMT-2

Danh sách có 94 sinh viên.

2. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54130795	Huỳnh Cam Ly	31/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54.CNSH
2	54131608	Vi Thị Trường	25/02/1994	Đắk Nông	Nữ	Trung bình	54.CNSH
3	55130013	Phan Thị Bình An	20/03/1995	Ninh Thuận	Nữ	Khá	55.CNSH-1
4	55130057	Trần Thị Hồng Ân	13/02/1994	Quảng Nam	Nữ	Khá	55.CNSH-1
5	55130069	Trần Quốc Bảo	19/10/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNSH-1
6	55130112	Nguyễn Thành Chắt	10/10/1995	Bình Định	Nam	Trung bình	55.CNSH-1
7	55132950	Nguyễn Thị Bảo Châu	20/12/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNSH-1
8	55132962	Nguyễn Văn Dung	12/12/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNSH-1
9	55130254	Lê Thanh Duyên	26/12/1995	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	55.CNSH-1
10	55130316	Trương Nhật Đăng	28/02/1995	Gia Lai	Nam	Khá	55.CNSH-1
11	55130379	Đặng Lư Minh Hà	05/03/1995	Phú Yên	Nữ	Giỏi	55.CNSH-1
12	55130410	Nguyễn Lê Đan Hạ	03/09/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNSH-1
13	55134102	Phạm Thị Mỹ Hạnh	19/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-1
14	55130454	Nguyễn Thị Mỹ Hào	11/10/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55.CNSH-1
15	55130502	Đỗ Thị Hiền	01/11/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.CNSH-1
16	55130543	Hà Trung Hiếu	09/03/1995	Phú Yên	Nam	Khá	55.CNSH-1
17	55130574	Hoàng Thị Hoa	06/02/1995	Nghệ An	Nữ	Khá	55.CNSH-1
18	55130626	Nguyễn Thị Hoan	09/01/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNSH-1
19	55134903	Nguyễn Thùy Thu Hương	28/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-1
20	55130715	Nguyễn Văn Huy	10/12/1995	Thanh Hoá	Nam	Trung bình	55.CNSH-1
21	55130716	Phạm Trần Huy	23/04/1995	Bình Định	Nam	Trung bình	55.CNSH-1
22	55134326	Trần Thị Thanh Huyền	18/10/1995	Bình Định	Nữ	Giỏi	55.CNSH-1
23	55133504	Phan Thị Thanh Huyền	02/02/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.CNSH-1
24	55130733	Nguyễn Thị Huyền	04/05/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.CNSH-1
25	55130725	Đặng Nguyễn Minh Huyền	24/02/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNSH-1
26	55130802	Nguyễn Văn Khánh	21/08/1995	Hà Tĩnh	Nam	Khá	55.CNSH-1
27	55130813	Nguyễn Văn Khoa	12/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Giỏi	55.CNSH-1
28	55130819	Hoàng Thị Kiệm	06/04/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.CNSH-1
29	55130840	Nguyễn Thị Thùy Lam	10/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-1
30	55130867	Trần Thị Hồng Lê	09/11/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55.CNSH-1
31	55130887	Huỳnh Thị Linh	20/10/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNSH-1
32	55130931	Dương Thị Loan	09/10/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNSH-1
33	55130967	Nguyễn Hữu Luân	31/10/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNSH-1
34	55130987	Đỗ Thị Sao Ly	31/05/1995	Quảng Nam	Nữ	Khá	55.CNSH-1
35	55133582	Ngô Minh	08/05/1995	Gia Lai	Nam	Trung bình	55.CNSH-1
36	55131088	Trần Thị ánh Nga	21/10/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNSH-1
37	55131097	Lê Thị Ngà	05/10/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55.CNSH-1
38	55131109	Nguyễn Thị Thảo Ngân	14/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-1
39	55131147	Nguyễn Thị Bích Ngọc	19/06/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNSH-1
40	55131587	Ngô Thị Thanh Tâm	25/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-1

2. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
41	55131960	Nguyễn Văn Tiến	15/10/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNSH-1
42	55132277	Trần Thị Ngọc Uyên	16/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-1
43	55132966	Trương Thị Kim Định	19/02/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNSH-2
44	55130332	Nguyễn Duy Đô	19/02/1995	Vĩnh Phúc	Nam	Khá	55.CNSH-2
45	55133687	Võ Thị Đức	20/09/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55.CNSH-2
46	55130723	Phan Lê Đình Huyền	09/06/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.CNSH-2
47	55130975	Lục Thị Luyến	11/08/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.CNSH-2
48	55131176	Nguyễn Trần Thảo Nguyên	02/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-2
49	55131222	Huỳnh Ngô ý Nhi	19/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-2
50	55131224	Huỳnh Thị Yến Nhi	28/02/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	55.CNSH-2
51	55134635	Trần Tín Phát	22/09/1995	Phú Yên	Nam	Khá	55.CNSH-2
52	55131398	Võ Thị Như Phương	24/08/1995	Gia Lai	Nữ	Giỏi	55.CNSH-2
53	55131405	Đinh Thị Phụng	20/05/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNSH-2
54	55131410	Nguyễn Thị Kim Phụng	20/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNSH-2
55	55131434	Lê Hồng Quý	10/02/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNSH-2
56	55131499	Trần Thị Như Quỳnh	04/04/1995	Ninh Thuận	Nữ	Khá	55.CNSH-2
57	55131520	Phan Thanh Kiều Sâm	18/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	55.CNSH-2
58	55131540	Nguyễn Trúc Sơn	01/04/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNSH-2
59	55134004	Nguyễn Minh Tân	25/03/1994	Bình Định	Nam	Khá	55.CNSH-2
60	55131623	Nguyễn Ngọc Thái	24/07/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNSH-2
61	55133514	Vũ Thái Thân	20/03/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNSH-2
62	55131751	Nguyễn Ngọc Thắng	20/10/1995	Nghệ An	Nam	Khá	55.CNSH-2
63	55132666	Phạm Thị Thanh	18/07/1995	Hà Tây	Nữ	Khá	55.CNSH-2
64	55131646	Phạm Thị Thanh	03/12/1994	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.CNSH-2
65	55133526	Phạm Thị Hồng Thảo	27/09/1995	Nghệ An	Nữ	Trung bình	55.CNSH-2
66	55131688	Mai Thị Thảo	15/09/1995	Thanh Hoá	Nữ	Khá	55.CNSH-2
67	55131683	Huỳnh Thị Nhật Thảo	25/09/1995	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	55.CNSH-2
68	55131785	Ca Đức Thịnh	18/02/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNSH-2
69	55131907	Hoàng Thị Thư	01/02/1993	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.CNSH-2
70	55131934	Phạm Thị Bích Thương	22/03/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-2
71	55131860	Mai Thị Hồng Thủy	08/02/1995	Gia Lai	Nữ	Khá	55.CNSH-2
72	55131895	Nguyễn Thị Thúy	16/06/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.CNSH-2
73	55131869	Phạm Thị Thu Thủy	18/11/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.CNSH-2
74	55131874	Lê Thị Thủy	02/03/1995	Nghệ An	Nữ	Khá	55.CNSH-2
75	55131886	Võ Thị Hồng Thủy	01/01/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55.CNSH-2
76	55133733	Phùng Thị Tĩnh	16/10/1994	Bình Định	Nữ	Trung bình	55.CNSH-2
77	55132054	Đào Thị Bích Trâm	05/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-2
78	55132132	Trần Thị Ngọc Trinh	24/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-2
79	55132116	Đỗ Thị Thu Trinh	12/02/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55.CNSH-2
80	55132172	Nguyễn Thị Kim Truynh	07/01/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-2
81	55132744	Nguyễn Thị Hồng Vận	05/10/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55.CNSH-2
82	55132401	Nguyễn Thị Yên	28/11/1995	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	55.CNSH-2

Danh sách có 82 sinh viên.



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2017

Theo Quyết định số 736 /QĐ-ĐHNT ngày 17 / 8 /2017

Loại hình đào tạo: **Cao đẳng chính quy**

1. Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55161519	Bùi Tuấn Ân	02/03/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNMT
2	55160456	Nguyễn Thị Kiều My	08/01/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNMT
3	55161966	Ngô Giang Nam	23/06/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNMT
4	55162082	Nguyễn Thị Kim Oanh	25/11/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55C.CNMT
5	56162442	Lê Cảnh	30/10/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNMT
6	56161937	Nguyễn Ngọc Duy	13/02/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.CNMT
7	56162963	Nguyễn Thị Thanh Hạnh	30/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNMT
8	56160204	Nguyễn Đình Lênh	01/02/1996	Quảng Ngãi	Nam	Khá	56C.CNMT
9	56160119	Đoàn Thị Hồng Nga	10/01/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56C.CNMT
10	56161571	Phùng Thị Nhanh	26/05/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNMT
11	56161674	Lê Thị Yến Nhi	29/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNMT
12	56161103	Nguyễn Thị Tố Nữ	21/04/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56C.CNMT
13	56162784	Nguyễn Thị Thu Sương	10/02/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNMT
14	56160797	Phạm Thị Thảo	28/06/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56C.CNMT
15	56162788	Trần Huỳnh Minh Vũ	20/07/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.CNMT
16	56163121	Nguyễn Lê Thanh Vy	18/10/1996	Lâm Đồng	Nữ	Khá	56C.CNMT

Danh sách có 16 sinh viên.

2. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55161508	Nguyễn Thị Vân Anh	07/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNSH
2	55162215	Nguyễn Thị Ái Tâm	12/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55C.CNSH
3	55162358	Nguyễn Thị Lệ Thương	18/08/1995	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	55C.CNSH
4	55162494	Lê Thị Thanh Tuyết	18/02/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55C.CNSH
5	56163142	Đạo Thị Đẹp	04/05/1995	Ninh Thuận	Nữ	Khá	56C.CNSH
6	56163532	Nguyễn Thị Đương	02/02/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56C.CNSH
7	56160823	Trần Mỹ Hào	13/01/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56C.CNSH
8	56160935	Huỳnh Tấn Hùng	20/10/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56C.CNSH
9	56161648	Trần Kim Linh	22/03/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNSH
10	56161730	Trần Thị Mỹ Linh	21/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNSH
11	56160413	Nguyễn Thị Loan	20/06/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56C.CNSH
12	56162858	Nguyễn Kim Phụng	24/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNSH
13	54131157	Đoàn Minh Quý	10/09/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.CNSH
14	56165018	Lê Thị Quyền	05/12/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56C.CNSH
15	56160688	Nguyễn Thị Mỹ Son	10/06/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56C.CNSH
16	56160136	Huỳnh Thị Thu Thắm	26/08/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56C.CNSH
17	56163180	Miêu Hasana Nhật Thảo	06/07/1996	Ninh Thuận	Nữ	Khá	56C.CNSH
18	56160510	Phan Thị Quỳnh Thu	20/08/1995	Gia Lai	Nữ	Khá	56C.CNSH
19	56163039	Võ Thị Minh Thư	04/12/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNSH
20	56163214	Dương Thị Thu Thủy	01/03/1996	Ninh Thuận	Nữ	Khá	56C.CNSH
21	56163321	Nguyễn Thị Minh Trâm	01/10/1996	Đắk Lắk	Nữ	Khá	56C.CNSH

Danh sách có 21 sinh viên.